

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu chứng khoán và nhóm cổ phiếu bất động sản với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DPM, TCH

[Cập nhật công ty]

VCS

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

29/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,125.39	-1.14
VN30	1,125.29	-1.39
HĐTL VN30F1M	1,115.00	-1.54
HNXIndex	227.48	-1.20
HNX30	428.45	-1.90
UPCoM	85.63	-0.42
USD/VND	23,567	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.59	+7
Lãi suất qua đêm (%)	0.40	-7
Dầu (WTI, \$)	69.16	-0.58
Vàng (LME, \$)	1,907.49	+0.01



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,125.39 (-1.14%)
KLGD (triệu CP) 839.1 (+11.9%)
GTGD (triệu US\$) 736.1 (-3.3%)

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu chứng khoán và nhóm cổ phiếu bất động sản với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (-3.0%), VNM (+1.8%), VHM (-0.7%).

HNXIndex 227.48 (-1.20%)
KLGD (triệu CP) 94.2 (-4.0%)
GTGD (triệu US\$) 67.3 (+22.2%)

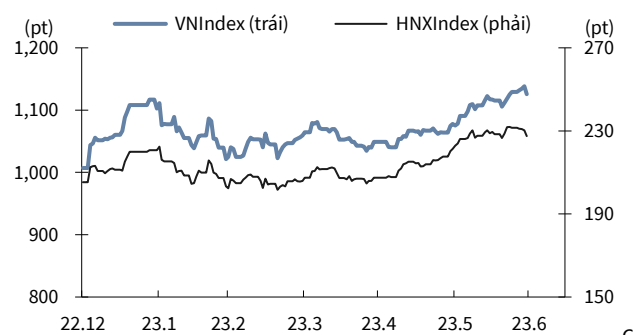
Tính đến thời điểm 20/6/2023, tổng phương tiện thanh toán tăng 2.53% so với cuối năm 2022; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 3.26%; tăng trưởng tín dụng đạt 3.13% (cùng kì tăng 8.51%). Cổ phiếu ngành ngân hàng giảm giá ở VPB (-1.73%), SHB (-1.95%).

UPCoM 85.63 (-0.42%)
KLGD (triệu CP) 47.2 (-34.7%)
GTGD (triệu US\$) 26.7 (+1.5%)

Tổng doanh thu phí bảo hiểm quý II/2023 ước đạt 61.3 nghìn tỷ đồng, giảm 3.12% so với cùng kỳ năm 2022; tính chung 6 tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 117 nghìn tỷ đồng, giảm 1.62%. Cổ phiếu ngành bảo hiểm giảm giá ở BVH(-1.88%), MIG(-0.26%).

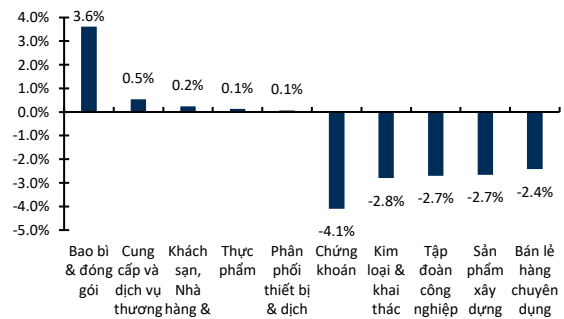
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +4.6

VNIndex & HNXIndex



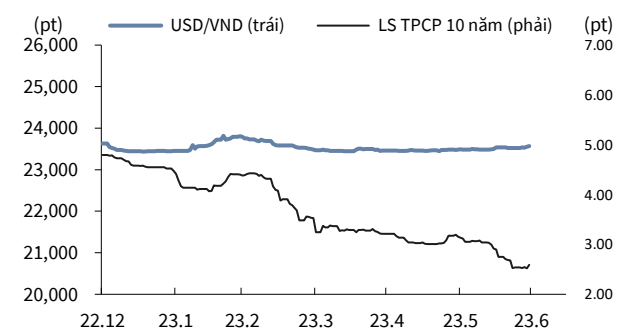
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



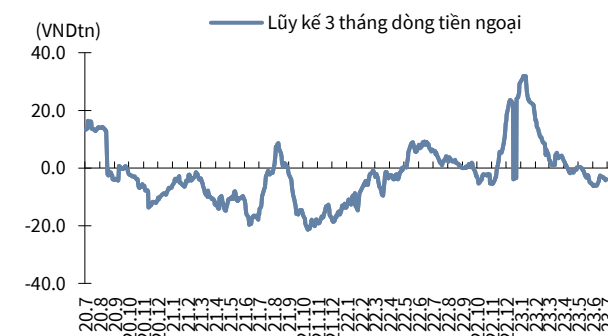
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

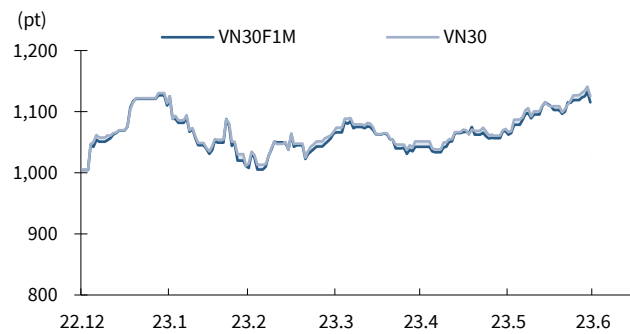
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,125.29 (-1.39%)
VN30F1M	1,115.0 (-1.54%)
Mở cửa	1,132.2
Cao nhất	1,132.5
Thấp nhất	1,115.0

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2307 và VN30 mở cửa ở mức -8.72 điểm, sau đó biến động giằng co quanh mức -8.4 điểm và đóng cửa tại -10.29 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

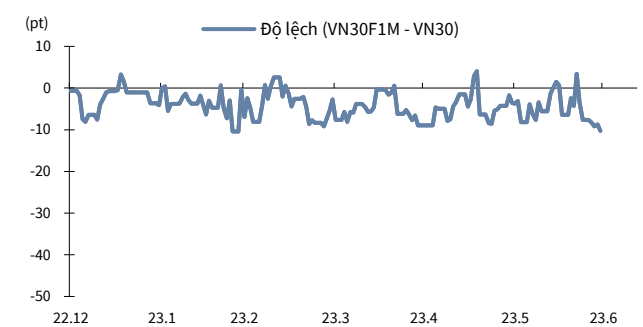
KLGD (HĐ)	191,115 (+34.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



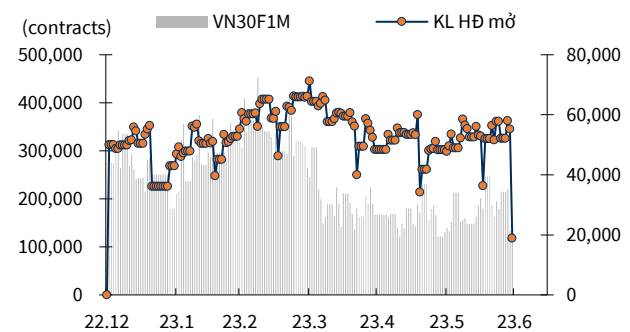
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



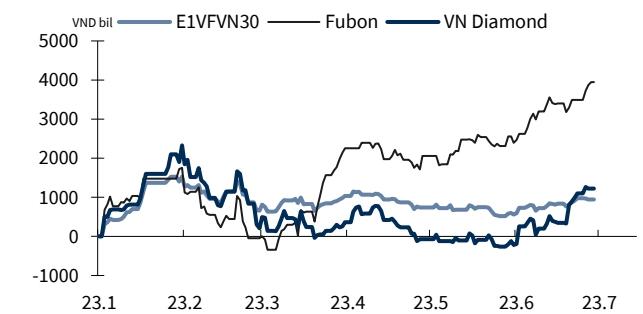
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

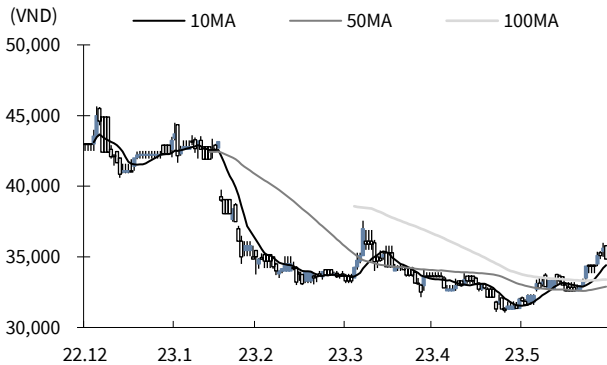
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)

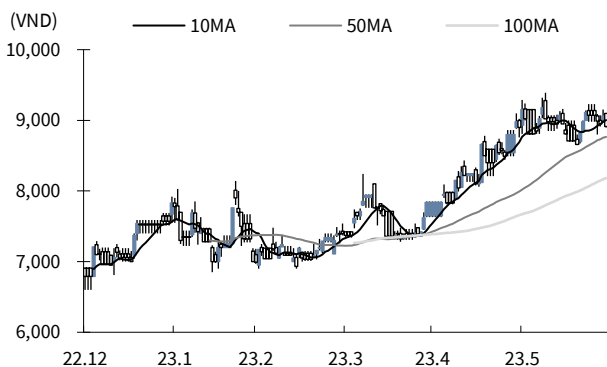


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPM giảm -2.1% xuống 34,850 VND/cp

- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã thông qua kế hoạch năm 2023 với lợi nhuận sau thuế là 2,300 tỷ đồng doanh thu là 17,400 tỷ đồng. Cổ tức tiền mặt năm 2023 tỷ lệ 40% dựa trên vốn điều lệ dự kiến tăng lên 5,120 tỷ đồng (tương đương 512 triệu cổ phiếu), tương ứng tổng số tiền chi trả cổ tức bằng tiền mặt là khoảng 2,048 tỷ đồng.

CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCH giảm -1.7% xuống 8,900 VND/cp

- CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy vừa cập nhật tài liệu hợp ĐHCĐ thường niên 2023, diễn vào ngày 7/7. Theo đó, công ty dự kiến kế hoạch kinh doanh với 550 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế và 2,200 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng lần lượt 15% và 5% (YoY). Mức cổ tức năm 2023 dự kiến là 10%, tương ứng tổng số tiền dự chi là 668 tỷ đồng.

29/06/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
 thuannnd@kbsec.com.vn

Doanh thu và lợi nhuận 1Q2023 âm đạm

Doanh thu thuần 1Q2023 của VCS đạt 1,033 tỷ VND (-35.87% YoY) và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 190 tỷ VND (-48.7% YoY). Tình hình kinh tế toàn cầu khó khăn ảnh hưởng đến doanh thu xuất khẩu của VCS. Lạm phát gia tăng làm giảm chi tiêu của các doanh nghiệp và hộ gia đình. Bên cạnh đó, lãi suất vay ở mức cao cùng với chi phí nguyên vật liệu tăng nên lĩnh vực bất động sản và xây dựng bị ảnh hưởng.

Kỳ vọng phục hồi từ thị trường Mỹ

Trong tháng 5/2023, số lượng nhà được cấp phép xây dựng và khởi công mới tại Mỹ đã tăng đáng kể trở lại. Cụ thể, theo số liệu mới được công bố, lượng nhà khởi công xây dựng đạt 1.631 triệu căn, vượt kỳ vọng với mức tăng 21% MoM. Đây là tín hiệu tích cực, mở ra kỳ vọng về cải thiện tiêu thụ đối với doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng, đá thạch anh nhân tạo như VCS. Trong cơ cấu doanh thu, thị trường Mỹ chiếm khoảng 65% doanh thu từ các thị trường chính của công ty.

Giá Polyester resin hạ nhiệt so với đầu năm

Giá Polyester Resin biến động bám tương đối sát với diễn biến giá dầu thô. Giá dầu thô trong Quý 1/2023 đã hạ nhiệt khoảng 6%, tương ứng giá Polyester Resin thế giới cũng đã giảm theo. Giá Polyester trên thế giới đã giảm khoảng 10% so với thời điểm đầu năm, đây là một yếu tố giúp cải thiện biên lợi nhuận cho VCS. Chúng tôi ước tính mỗi thay đổi 10% trong giá nhựa đầu vào, giá vốn hàng bán của VCS sẽ biến động cùng chiều 3-4%.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 72,600 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCF và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VCS. Giá mục tiêu là 72,600 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 22.6% so với giá tại ngày 22/06/2023.

MUA DUY TRÌ

Giá mục tiêu	VND 72,600
Tăng/giảm (%)	22.6%
Giá hiện tại (22/06/2023)	VND 59,200
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 73,000
Vốn hóa (tỷ VND/tỷ USD)	9,904

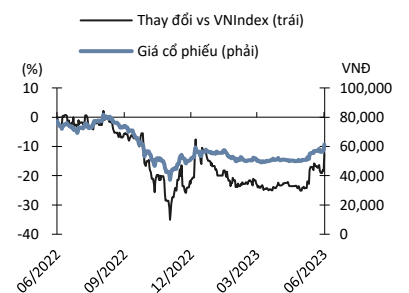
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	11.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	6.32
Sở hữu nước ngoài (%)	3.06%
Cổ đông lớn	Công ty CP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A (84.16%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	22.3	22.3	18.3	-18.1
Tương đối	16.8	13.9	11.2	-11.1

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	7,070	5,660	4,674	5,489
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	2,116	1,382	1,198	1,584
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	1,772	1,149	1,007	1,329
EPS (VND)	9,890	6,425	6,293	8,306
Thay đổi EPS (%)	20%	-35%	-2%	32%
P/E (x)	11.4	8.7	11.5	8.7
P/B (x)	3.7	1.8	2.8	2.5
ROE (%)	0.4	0.2	0.2	0.2
Tỷ suất cổ tức (%)	4%	11%	4%	6%

Nguồn: Bloomberg, KBSV

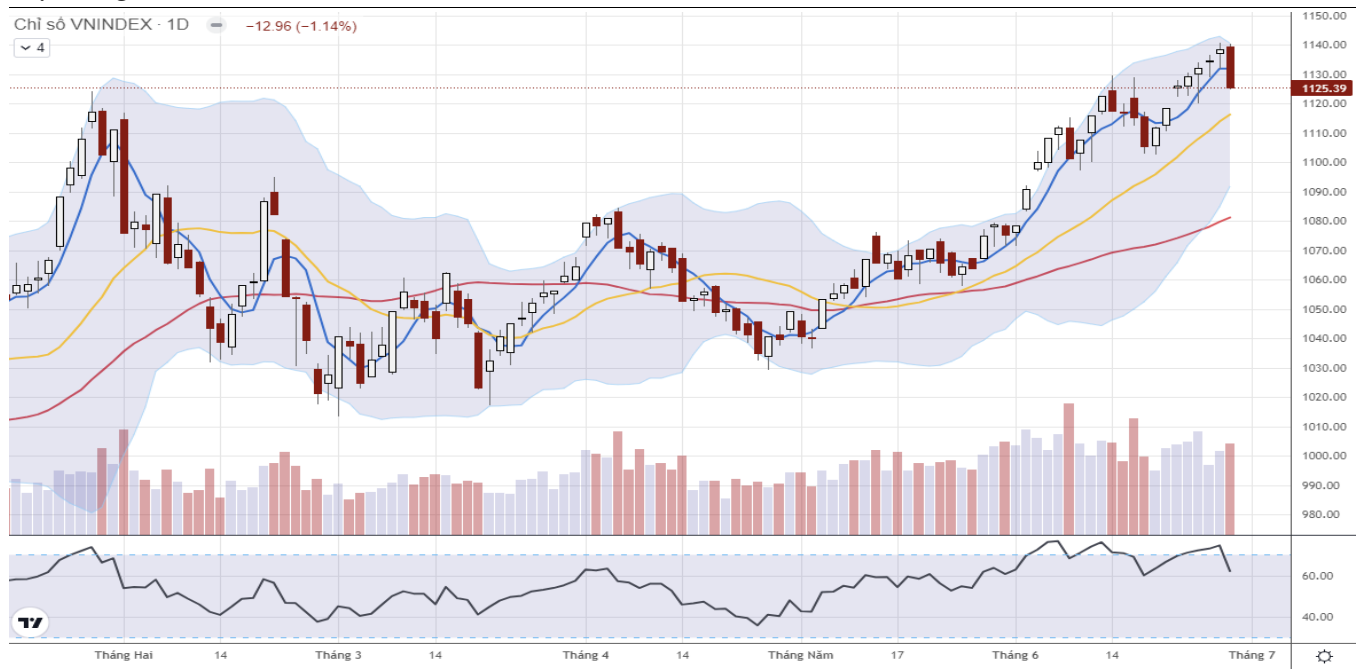


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



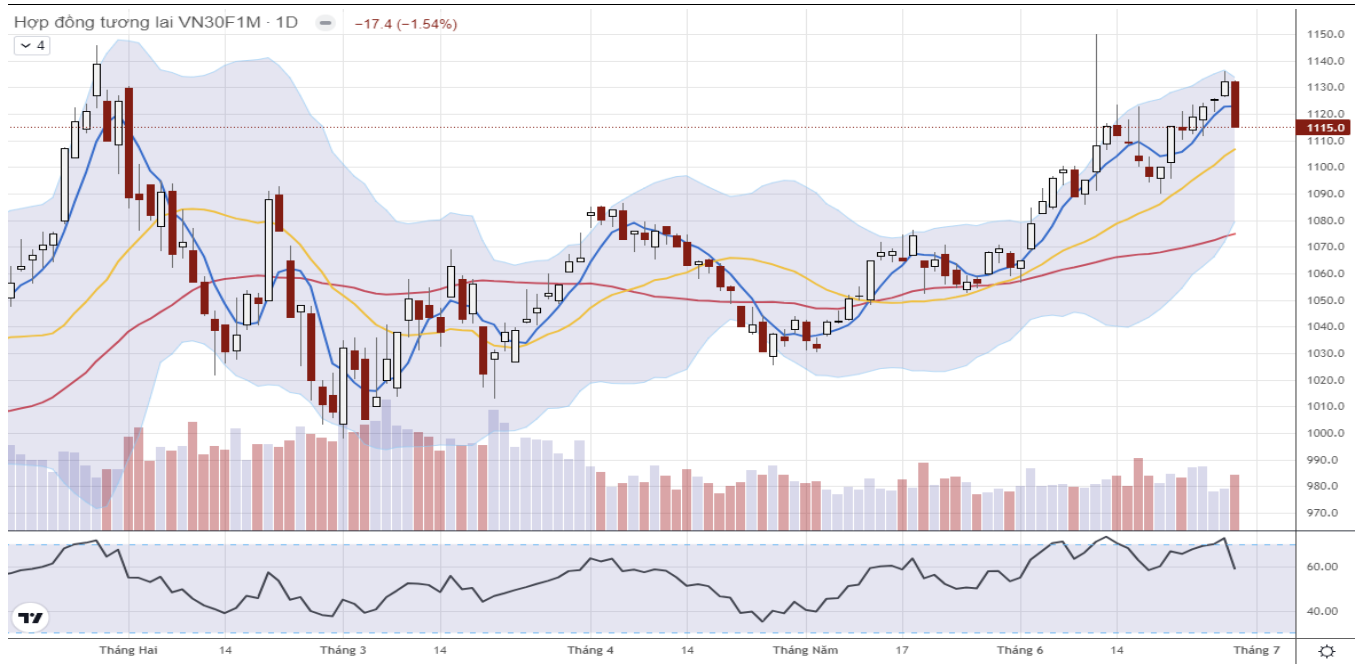
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp rung lắc giảm co trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Việc hình thành mẫu nến cường lực marubozu với thanh khoản gia tăng cho thấy áp lực từ bên bán hoàn toàn chiếm ưu thế và để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên tiếp theo. Mặc dù vậy, vùng hỗ trợ gần quanh 1115, tương ứng với MA20 sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý và chúng tôi kỳ vọng sẽ xuất hiện một nhịp hồi phục kỹ thuật tại đây.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1128 - 1130

Kháng cự gần: 1120 - 1123

Hỗ trợ gần: 1105 - 1107

Hỗ trợ xa: 1098 - 1100

— F1 trải qua một nhịp rung lắc giảm co trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.

— Việc hình thành mẫu nến cường lực marubozu với thanh khoản gia tăng cho thấy áp lực từ bên bán hoàn toàn chiếm ưu thế và để ngỏ rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong các phiên tiếp theo. Mặc dù vậy, vùng hỗ trợ gần quanh 1105-1107, tương ứng với MA20 sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý và chúng tôi kỳ vọng sẽ xuất hiện một nhịp hồi phục kỹ thuật tại đây.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

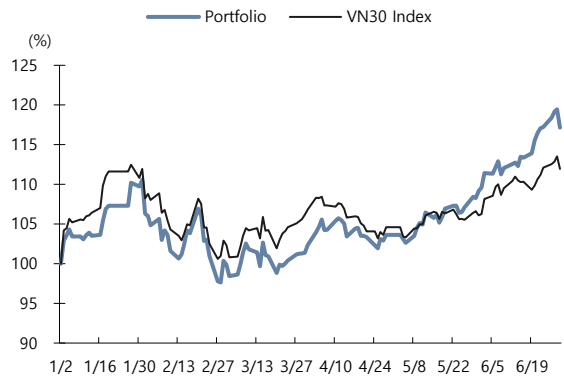
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.39%	-1.94%
Tăng lũy kế (YTD)	11.95%	17.13%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	42,700	-2.7%	10.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	25,450	-4.1%	21.5%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	75,000	0.3%	30.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,100	-1.9%	2.8%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	21,000	-4.1%	22.8%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,500	-0.6%	256.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,900	-0.3%	58.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,600	-0.8%	28.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	25,800	-3.0%	131.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	29,000	-2.0%	182.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-3.0%	25.2%	181.8
VNM	1.8%	54.0%	82.3
VHM	-0.7%	24.3%	37.7
CTG	-0.3%	27.2%	27.3
FRT	-1.5%	32.4%	20.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DGC	-3.7%	14.8%	-39.2
VND	-3.8%	23.7%	-26.3
NLG	-2.4%	44.2%	-24.0
VRE	-1.1%	32.8%	-20.6
KBC	-2.0%	19.7%	-17.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DTD	-2.0%	8.4%	2.5
VCS	-1.1%	2.8%	1.9
TNG	-2.6%	18.7%	1.1
CEO	-3.1%	5.0%	0.4
PVI	0.0%	59.7%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.3%	1.1%	-8.1
SHS	-3.7%	7.5%	-1.0
PVS	-0.6%	20.8%	-1.0
BVS	-4.8%	5.7%	-0.9
NVB	-1.4%	8.5%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	5.7%	TMS, SCS, STG, ASG
Giấy & lâm sản	5.0%	DHC, HAP, HHP, VID
Phụ tùng oto	4.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hàng hải	4.3%	VSC, VOS, SKG, VTO
Bao bì & đóng gói	3.8%	TDP, SVI, MCP, TPC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-6.7%	VPG, TSC, BTT, TNA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-4.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Chứng khoán	-3.6%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	-2.8%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hóa chất	-2.3%	GVR, DGC, DPM, DCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	21.1%	HPG, HSG, NKG, KSB
Hàng hải	19.1%	VSC, VOS, SKG, VTO
Hóa chất	13.5%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	13.2%	MWG, FRT, CTF, HAX
Sản phẩm xây dựng	13.0%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng không dân dụng	-2.9%	VJC, HVN
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-2.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Tiện ích điện	-2.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Phụ tùng oto	-1.9%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ uống	-0.9%	SAB, BHN, SMB, SCD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	101,002 (4.3)	22.5	69.9	63.9	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	-0.8	-1.1	-1.7	-3.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	91,713 (3.9)	26.6	7.7	7.3	35.9	19.3	17.4	1.4	1.2	-0.7	-1.3	-0.9	14.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	101,066 (4.3)	17.8	15.6	14.0	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	-1.1	0.0	-2.5	2.7
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	558,427 (23.7)	31.3	-	-	6.7	-1.8	-3.4	0.8	0.8	-3.8	2.4	14.9	7.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	77,641 (3.3)	11.6	23.4	16.2	13.7	8.1	11.3	1.8	1.6	-2.2	-1.9	2.7	16.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	300,488 (12.8)	13.9	36.3	27.4	-	2.8	3.6	-	-	-4.2	-6.9	2.1	16.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	87,422 (3.7)	6.3	14.5	12.8	11.7	22.3	20.2	2.9	2.4	0.8	1.5	9.5	27.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	51,306 (2.2)	12.7	12.5	9.3	-5.3	20.3	20.6	2.0	1.6	-1.9	1.3	1.4	15.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	152,217 (6.5)	0.0	5.8	5.0	14.3	15.9	15.9	0.9	0.7	-2.0	0.2	8.1	26.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	152,013 (6.5)	1.4	8.8	7.3	50.3	16.0	17.6	1.2	1.0	-0.3	1.5	6.8	9.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	314,213 (13.4)	0.0	9.6	7.0	18.8	11.6	14.0	1.1	1.0	-1.7	1.5	2.8	11.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	251,760 (10.7)	0.0	5.0	4.3	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	-1.9	2.0	8.3	18.7
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	45,025 (1.9)	4.2	5.0	4.7	23.3	22.9	20.4	1.0	0.9	-2.1	-1.9	-2.4	15.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	458,394 (19.5)	14.0	7.8	4.6	26.5	18.9	24.8	1.2	1.0	-1.2	-1.5	6.7	31.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	131,571 (5.6)	0.0	4.8	4.2	37.4	20.0	19.6	1.0	0.8	-1.9	-1.6	3.7	19.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	172,328 (7.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.0	-0.5	3.7	-9.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	42,287 (1.8)	21.0	15.9	14.5	15.8	10.0	10.3	1.5	1.4	-1.9	0.3	0.8	-4.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,039 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-1.6	0.8	1.3	12.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	516,174 (22.0)	55.4	14.7	13.1	-3.2	11.3	11.9	1.5	1.4	-4.1	-2.5	8.8	43.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	185,114 (7.9)	71.9	15.5	13.7	-4.0	15.0	15.6	2.2	2.0	-4.5	-2.9	3.7	56.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	187,186 (8.0)	52.4	17.2	15.7	-19.0	10.3	10.2	1.6	1.6	-3.6	-3.1	2.9	40.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	671,956 (28.6)	27.2	13.5	13.3	36.3	12.2	11.5	1.6	1.5	-3.8	-4.3	10.3	39.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	320,892 (13.6)	42.1	16.9	15.5	4.0	28.9	31.1	4.6	4.5	1.8	7.5	7.2	-5.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,230 (0.9)	36.9	20.8	18.8	7.3	21.6	22.2	3.8	4.0	-0.5	-0.5	-0.8	-7.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	102,011 (4.3)	16.5	32.0	16.0	-51.9	8.0	12.9	3.8	2.9	-2.1	-1.2	5.3	-18.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,148 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.9	6.9	7.2	0.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	69,702 (3.0)	11.0	81.3	44.2	-88.5	5.9	11.2	-	-	-0.8	-0.1	-5.4	-14.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	44,357 (1.9)	10.8	10.2	16.2	-57.0	24.8	12.1	1.8	1.7	-1.9	-0.2	3.8	13.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	207,886 (8.8)	38.4	14.6	11.9	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	-0.8	-4.2	4.0	41.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	440,002 (18.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-4.6	-9.7	20.4	50.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	43,611 (1.9)	3.6	25.2	21.2	-52.4	2.5	2.8	-	-	-1.0	1.3	7.7	108.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	62,420 (2.7)	0.0	11.2	10.7	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	-2.1	0.9	3.7	2.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	61,125 (2.6)	46.1	16.3	15.6	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	-0.8	-1.0	0.9	-6.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,646 (0.8)	31.4	12.3	10.4	-10.5	14.4	19.8	1.9	1.9	-2.1	-4.3	-5.6	7.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,962 (0.2)	34.1	14.8	6.0	-5.1	6.9	15.7	-	-	-0.6	-2.7	4.2	26.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	579,903 (24.7)	18.0	17.4	11.8	21.9	9.2	11.7	1.5	1.3	-3.0	3.8	20.3	43.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	99,620 (4.2)	36.5	9.1	10.4	-0.5	11.8	10.9	0.9	1.0	-2.1	1.5	11.2	-18.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	118,876 (5.1)	46.5	11.9	8.7	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.3	-3.0	-0.8	10.7	-0.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	302,427 (12.9)	38.9	-	14.0	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.8	-2.4	-2.9	7.6	46.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	65,709 (2.8)	97.2	15.0	12.9	17.2	6.2	7.2	-	-	-2.7	-4.9	-3.2	56.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,657 (1.2)	4.6	15.3	12.9	-51.0	12.9	13.4	1.9	1.7	-1.6	-0.4	-1.1	18.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	134,314 (5.7)	39.9	31.0	13.1	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	-0.4	-2.0	3.4	37.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	76,637 (3.3)	35.9	8.2	7.1	2.2	14.8	15.0	1.1	1.0	-0.2	6.0	8.0	4.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	163,212 (6.9)	0.0	22.8	12.6	14.4	10.7	17.4	2.5	2.2	-2.7	-0.8	10.3	-0.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	57,067 (2.4)	0.0	14.2	11.5	2.4	20.3	22.6	2.5	2.2	0.3	0.7	5.0	-16.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,775 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-0.7	13.9	56.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	67,845 (2.9)	30.3	76.3	21.8	-75.2	-	16.1	4.0	3.3	-1.5	0.8	21.9	11.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,129 (1.5)	34.6	10.7	10.7	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	-2.5	-3.0	1.2	18.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,726 (0.2)	45.4	13.5	12.5	10.7	25.6	24.6	3.4	2.9	-2.5	4.8	17.9	51.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	77,894 (3.3)	0.0	16.0	13.2	15.5	27.5	28.0	3.9	3.3	-0.6	1.2	4.1	12.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.